

Số: 85 /GCN-BXD

Hà Nội, ngày 13 tháng 4 năm 2023

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 52/2022/NĐ-CP ngày 08/8/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Ninh Bình và Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 03/4/2023.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Ninh Bình

Địa chỉ: Số 746, Km2, đường Trần Hưng Đạo, TP. Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

Mã số thuế: 2700280525

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm và kiểm định chất lượng công trình

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Số 746, Km2, đường Trần Hưng Đạo, TP. Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: LAS-XD 67

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp và thay thế Giấy chứng nhận số 311/GCN-BXD ngày 25/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng./.

Nơi nhận:

- Công ty CP Tư vấn xây dựng Ninh Bình;
- SXD tỉnh Ninh Bình;
- TT Thông tin (website);
- Lưu VT, Vụ KHCN&MT.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG



Vũ Ngọc Anh

**DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 67**

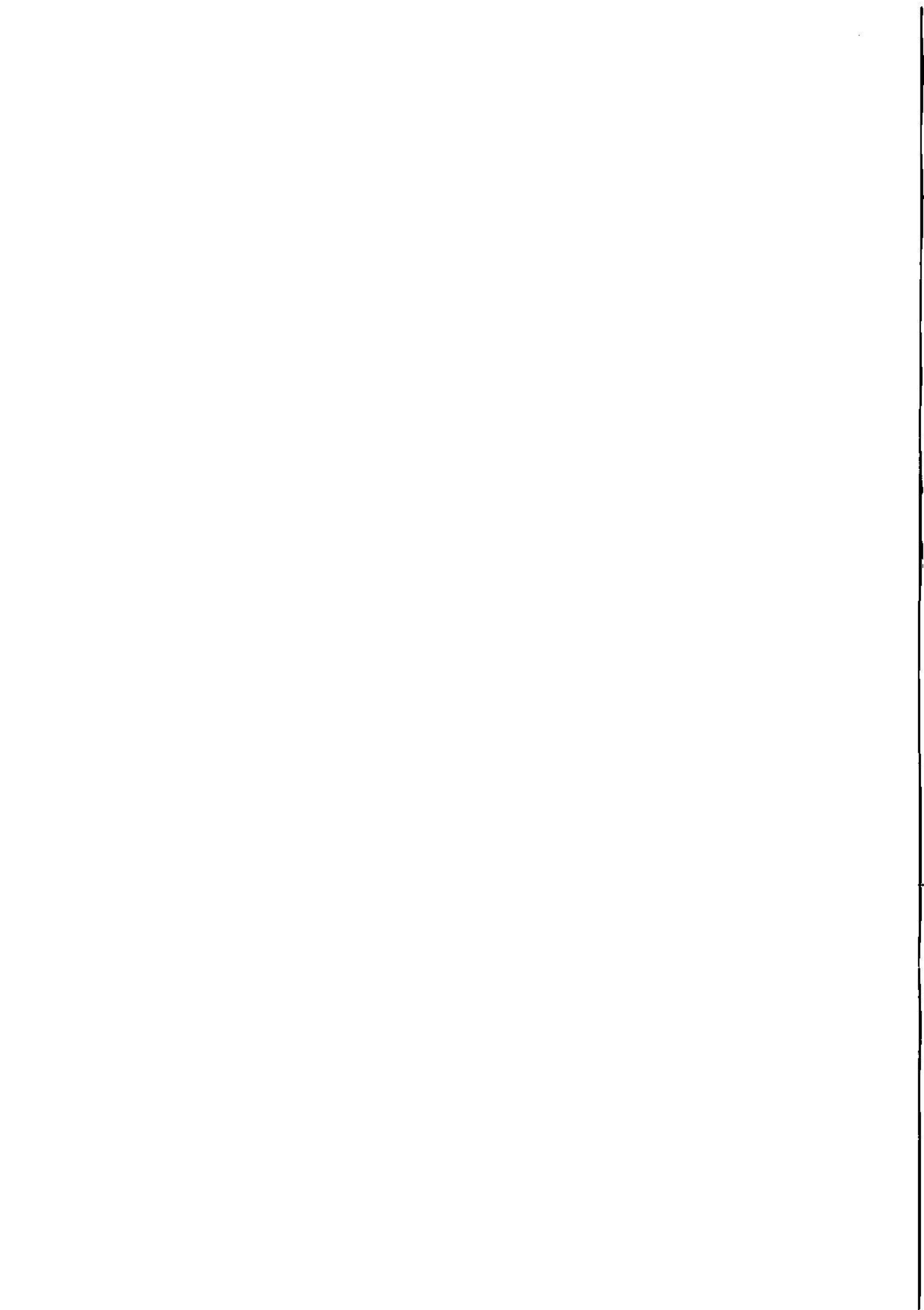
(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
số: 85/GCN-BXD ngày 13 tháng 4 năm 2023)

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT (*)
1	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG VÀ HÓA XI MĂNG	
	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 4030:2003
	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011
	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015
2	BÊ TÔNG VÀ HỖN HỢP BÊ TÔNG	
	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022
	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:1993
	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:2022
	Xác định hàm lượng bọt khí vữa bê tông	TCVN 3111:2022
	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:2022
	Xác định độ mài mòn	TCVN 3114:2022
	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022
	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:2022
	Xác định độ chống thấm	TCVN 3116:2022
	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:2022
	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:1993
	Xác định thời gian đông kết	TCVN 9338:2012
	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bừa	TCVN 3120:2022
	Xác định độ chảy xòe của hỗn hợp bê tông	ASTM C1611
	Xác định độ co ngót	TCVN 3117:2022
	Xác định cường độ lăng trụ và mô đun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:2022
	Xác định độ pH trong bê tông và vữa	TCVN 9339:2012
	Xác định nhiệt độ hỗn hợp của bê tông	ASTM C1064
	3	CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA
Xác định thành phần cỡ hạt		TCVN 7572-2:2006
Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước		TCVN 7572-4:2006
Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn		TCVN 7572-5:2006
Xác định khối lượng thể tích xốp và độ rỗng		TCVN 7572-6:2006
Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006	

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT (*)
	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006
	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572- 9:2006
	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006
	Xác định độ nén đập, hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006
	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	TCVN 7572-12:2006
	Xác định hàm lượng thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006
	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:2006
	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:2006
	Xác định hàm lượng mica trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-20:2006
	Xác định hệ số dương lượng (ES)	ASTM D2419; AASHTO T176
	Xác định hàm lượng hạt nhỏ hơn 0,075mm	ASTM C117; AASHTO T11
	Xác định độ bền ngâm trong môi trường Sunfat	TCVN 7572-22:2006; ASTM C88; AASHTO T104
	Xác định thành phần hạt; hàm lượng sét của cát nghiền	TCVN 9205:2012
4	ĐẤT TRONG PHÒNG	
	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012
	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012
	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012
	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2012
	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:1995
	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012
	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012
	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012
	Thí nghiệm đầm nén đất, đá đầm trong phòng thí nghiệm	TCVN 4201:2012; TCVN 12790:2020
	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792:2020
	Đầm nén đất đá đầm trong phòng thí nghiệm	TCVN 12790: 2020
	Xác định đặc trưng tan rã của đất	TCVN 8718:2012
	Xác định đặc trưng trương nở của đất	TCVN 8719:2012
	Xác định góc nghi tự nhiên của đất rời	TCVN 8724:2012
	Xác định hệ số thấm K	TCVN 8723:2012; ASTM D 2434
5	VẬT LIỆU KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT HÀN	
	Thử kéo	TCVN 7937-1:2013; TCVN 197-1:2014
	Thử uốn	TCVN 7937-1:2013; TCVN 198:2008
	Kiểm tra chất lượng mối hàn - Thử uốn	TCVN 5401:2010
	Kiểm tra kích thước cơ học bu lông, thử kéo, cắt và xiết bu lông và đai ốc	TCVN 1916:1995; TCVN 197-1:2014
	Thử kéo mối nối cốt thép bằng ống nối có ren -	TCVN 8163:2009

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT (*)
	Coupler	
	Thử kéo mối hàn kim loại	TCVN 8310:2010; TCVN 8311:2010
6	BÊ TÔNG NHỰA	
	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011
	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay li tâm	TCVN 8860-2:2011
	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011
	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011
	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đầm nén	TCVN 8860-5:2011
	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011
	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011
	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011
	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011
	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011
	Phương pháp xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011
	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011
7	NHỰA BITUM	
	Xác định độ kim lún ở 25 °C	TCVN 7495:2005; ASTM D5
	Xác định độ kéo dài ở 25 °C	TCVN 7496:2005; ASTM D113
	Xác định điểm hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:2005; ASTM D36
	Xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hở Cleveland	TCVN 7498:2005; ASTM D92
	Xác định tổn thất khối lượng sau gia nhiệt	TCVN 7499:2005; ASTM D6
	Xác định lượng hoà tan trong Trichloroethylene	TCVN 7500:2005; ASTM D2042
	Xác định khối lượng riêng (Phương pháp Pycnometer)	TCVN 7501:2005; ASTM D70
	Xác định độ dính bám đối với đá	TCVN 7504:2005
8	VỮA XÂY DỰNG	
	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022
	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022
	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022
	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:2022
	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-9:2022
	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:2022
	Xác định cường độ uốn và nén của vữa	TCVN 3121-11:2022
	Xác định hàm lượng ion clo hoà tan trong nước	TCVN 3121-17:2022
	Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-18:2022
9	CƠ LÝ GẠCH	
	Gạch xây: Xác định kích thước và khuyết tật ngoại	TCVN 6355- 1-8:2009

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT (*)
	quan; Xác định cường độ bền nén; cường độ bền uốn; khối lượng thể tích; độ hút nước; độ rỗng; vết tróc do vôi; sự thoát muối	
	Gạch bê tông tự chèn: Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ nén; độ hút nước; Xác định độ mài mòn	TCVN 6476:1999
	Gạch bê tông: Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ nén; độ hút nước; độ thấm nước; độ rỗng	TCVN 6477:2016
	Gạch terazo: Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định độ hút nước bề mặt; độ chịu mài mòn; độ bền uốn	TCVN 7744:2013
10	BỘT KHOÁNG CHO BÊ TÔNG NHỰA	
	Thành phần hạt; Độ ẩm; Hệ số thích nước	TCVN 12884-2:2020
	Khối lượng riêng	TCVN 8735:2012
	Chỉ số dẻo	TCVN 4197:2012
11	NƯỚC DÙNG CHO XÂY DỰNG	
	Hàm lượng cặn không tan; hàm lượng muối hòa tan	TCVN 4560:1988
	Màu sắc, vẩn mờ dầu được tiến hành bằng quan sát mắt thường	TCVN 4506:2012
	Xác định độ pH,	TCVN 6492:2011
	Hàm lượng ion clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996
	Hàm lượng ion sunfat (SO ₄ ²⁻)	TCVN 6200:1996
12	CƠ LÝ BENTONITE	
	Xác định khối lượng riêng; Độ nhớt; Hàm lượng cát; Độ pH, Độ ổn định	TCVN 11893:2017
13	PHỤ GIA KHOÁNG	
	Chỉ số hoạt tính cường độ	TCVN 6882:2016
	Hàm lượng nước yêu cầu	TCVN 8825:2011
	Lượng sót sàng 45mm	TCVN 8827:2011
	Hàm lượng ẩm; Hàm lượng mất khi nung	TCVN 8262:2009
14	THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG	
	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao dai	TCVN 12791:2020; TCVN 8728:2012; TCVN 8729:2012;
	Độ ẩm: khối lượng thể tích của đất, đã đầm trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	22TCN 346:06; TCVN 8728:2012; TCVN 8729:2012;
	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011
	Xác định môđun đàn hồi theo độ võng đàn hồi dưới bánh xe bằng cân benkenman	TCVN 8867:2011; AASHTO T256; ASTM D4695
	Xác định môđun đàn hồi của nền đất và lớp kết cấu áo đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011
	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011
	Xác định cường độ nén của bê tông bằng súng bật nảy	TCVN 9334:2012



TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT (*)
	Đo diện trở đất	TCVN 9385:2012
	Cọc - Phương pháp thử nghiệm hiện trường bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012
	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (thử nghiệm SPT)	TCVN 9351:2012
	Trắc địa, quan trắc công trình xây dựng	TCVN 9398: 2012; TCVN 9360: 2012; TCVN 9400:2012
	Xác định hệ số thấm bằng đồ nước hồ đào, hồ khoan	TCVN 8731:2012
	Thí nghiệm CBR ngoài hiện trường	TCVN 8821:2011
	Xác định môđun biến dạng hiện trường của nền đất bằng nén tĩnh tấm ép phẳng	TCVN 9354:2012

Ghi chú (*) - Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.